

Bản án số: 37/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 26/7/2019

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Thế Xương

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thanh Trang

Ông Dương Vĩnh Thịnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thiên Trang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

Ngày 26 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2019/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2019 về tranh chấp ly hôn.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Giang N, sinh năm: 1996

Địa chỉ: Số nhà 1xxB5, khu phố x, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

- Bị đơn: Ông Chen Yi H, sinh năm: 1992

Địa chỉ: Lầu x, số x, ngõ x, hẻm xx, đường T, khóm xx, phường T, khu T, thành phố T, Đài Loan.

(Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 14 tháng 02 năm 2019, bản tự khai, đơn xin xét xử vắng mặt và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Nguyễn Giang N trình bày:

Bà và ông Chen Yi H quen biết nhau, sau thời gian tìm hiểu nhau rồi tự nguyện tiến đến hôn nhân. Hai bên không có tổ chức đám cưới, nhưng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thành phố Bến Tre ngày 21/6/2016. Sau khi kết hôn

thì hai vợ chồng không chung sống với nhau, ông Yi H về Đài Loan và không có trở lại Việt Nam. Trong thời gian bà N chờ phỏng vấn xin visa để đi Đài Loan thì vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, hai bên thường cãi nhau qua điện thoại. Từ ngày 29/11/2016 đến nay ông Yi H không còn liên lạc với bà nữa, bà có gọi điện nhưng không kết nối được. Nay bà thấy rằng tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà những vấn đề sau:

Về hôn nhân: Bà yêu cầu được ly hôn với ông Chen Yi H, không yêu cầu cấp dưỡng vợ chồng sau ly hôn.

Về con chung, về tài sản chung, về nợ chung: Bà trình bày là không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn ông Chen Yi H đã được Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre tiến hành thủ tục ủy thác tư pháp để thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập ông Chen Yi H đến Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và phiên tòa hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng việc ủy thác không có kết quả. Tòa án đã tiến hành niêm yết hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử trên cổng thông tin điện tử của Tòa theo thời gian quy định, tuy nhiên ông Chen Yi H vắng mặt không lý do. Do đó, Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre tiến hành xét xử vắng mặt ông Chen Yi H theo quy định pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quan hệ tranh chấp giữa bà Nguyễn Giang N và ông Chen Yi H là ly hôn, nguyên đơn bà Nguyễn Giang N đang ở Việt Nam, bị đơn ông Chen Yi H hiện đang ở nước ngoài (Đài Loan) nên căn cứ vào khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 2 Điều 38 và Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự thì thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa gia đình và người chưa thành niên Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Giang N và ông Chen Yi H tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2016, có đăng ký kết hôn và được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn tại Việt Nam nên hôn nhân giữa bà Nguyễn Giang N và ông Chen Yi H là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn vợ chồng bà N và ông Yi H không sống chung với nhau, ông Yi H trở về Đài Loan. Trong thời gian bà N chờ phỏng vấn để xin visa sang Đài Loan thì hai người bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm và thường cãi nhau qua điện thoại. Từ khoảng tháng 11/2016 cho đến nay thì ông Yi H cắt mọi liên hệ với bà N, không liên lạc được. Tòa án đã tiến hành ủy thác tư pháp thông báo thụ lý vụ án cho Ông Chen Yi

H nhưng không có kết quả, toà án đã tiến hành niêm yết quyết định xét xử lên cổng thông tin điện tử của toà nhưng vẫn không nhận được văn bản nêu ý kiến của ông về những vấn đề bà N yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử thấy rằng hôn nhân của bà N và ông Yi H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, vợ chồng mất liên lạc với nhau, nên không có quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc bà N yêu cầu ly hôn với ông Yi H là có cơ sở nên được chấp nhận.

[3] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Bà N trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nhưng không nhận được văn bản ghi nhận lời trình bày của ông Chen Yi H nên không có cơ sở xem xét. Nếu có phát sinh tranh chấp về con chung, tài sản chung và nợ chung thì các đương sự có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch: Bà Nguyễn Giang N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 2 Điều 38 và Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 56 và Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn của bà Nguyễn Giang N.

Về hôn nhân: Bà Nguyễn Giang N được ly hôn với ông Chen Yi H.

Về con chung, về tài sản chung và về nợ chung: Bà Nguyễn Giang N trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nhưng không ghi nhận được lời trình bày của ông Chen Yi H nên không có cơ sở xem xét. Nếu có phát sinh tranh chấp về con chung, tài sản chung và nợ chung thì các đương sự có quyền khởi kiện bằng một vụ kiện khác.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Giang N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0006755 ngày 27 tháng 02 năm 2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre.

Bà Nguyễn Giang N được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án; ông Chen Yi H được quyền kháng cáo trong

thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ trên cổng thông tin điện tử của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký tên và đóng dấu)

Bùi Thế Xương